

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/HSST
Ngày: 13/07/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huân

Thẩm phán : Ông Hoàng Nhật Tân

Các hội thẩm nhân dân : Ông Lê Văn Sự

Ông Lê Văn Bình

Bà Phạm Thị Hồng Nhung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 13/07/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 218/2022/HSST ngày 15/06/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/QĐXX ST-HS ngày 27/06/2022 đối với các bị cáo:

Đỗ T A, sinh năm 1995; Nơi thường trú và chỗ ở: thôn A, xã B, huyện D, thành phố H; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị L; Vợ là Đỗ Thị Kim H (đã ly hôn), có 01 con là Đỗ Hạnh S sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/05/2013, Công an huyện D xử phạt 100.000 đồng về hành vi Gây mất trật tự công cộng; Tháng 09/2015, Đoàn Công an Nam D xử phạt 750.000 đồng về hành vi Đánh nhau.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang S - Luật sư văn phòng Luật sư Thành Đô - Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Đỗ T A. (Có mặt)

- Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; HKTT: Tổ 47B, Khu 5, phường H P - thành phố HL- TN. (Vắng mặt)

2. Anh Hoàng AT, sinh năm 1992; HKTT: 1D ngách 132/68 KT - tổ 27 phường KT - TX- thành phố H. (Xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Nguyễn KN, sinh năm 1994; HKTT: Số 38/448 Hà Huy T - thị trấn YV - G - thành phố H. (Xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm N N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 14 - xã T - VG - HY. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn TK, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn MH - xã B - D - H. (Có mặt)

3. Anh Trần Văn P (H); Địa chỉ: Thôn ĐY - xã XN - D - H. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 30/05/2021, Cơ quan CSĐT- Công an quận Cầu Giấy tiếp nhận đơn của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1988, trú tại tổ 47B, khu 5 H P, HL, TN) tố giác Đỗ T A chiếm đoạt chiếc xe ô tô FORD RANGER của anh H.

Ngày 06/06/2021, Cơ quan CSĐT- Công an quận TL tiếp nhận tố giác của anh Hoàng AT (sinh năm 1992, HKTT số 1D, ngách 132/68 KT, quận Thanh Xuân, TP H) tố giác Đỗ T A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô Hyundai Tuson của anh Hoàng T A.

Ngày 12/06/2021 Cơ quan CSĐT- Công an huyện G tiếp nhận đơn của chị Nguyễn KN (sinh năm 1994 số 38/448 Hà Huy T, thị trấn YV, huyện G, TP H), tố giác Đỗ T A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng của chị Ngọc.

Quá trình điều tra xác định:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Đỗ T A đã dùng thủ đoạn gian dối như thuê, mượn xe ô tô của người khác rồi làm giả đăng ký xe, sau đó mang đi cầm cố nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021 bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, Đỗ T A đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền **2.007.900.000** đồng của 03 người bị hại cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 742.900.000 đồng của anh Nguyễn Văn H - SN 1988, HKTT: Tổ 47B, khu 5, phường Hà P, TP HL, tỉnh TL (Chiếm đoạt chiếc xe ô tô BKS 14C-172.12 trị giá 645.900.000 đồng và 97.000.000 đồng)

Năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội Đỗ T A có quen biết với anh Nguyễn Văn H. Quá trình quen biết, thỉnh thoảng T A có đi cùng anh H để giải quyết công việc. Ngày 26/05/2021, anh H gọi điện cho T A bảo T A đi cùng để giải quyết công việc, T A đồng ý nên anh H điều khiển xe ô tô Ford Ranger BKS: 14C-172.12 lên H đón T A. Hàng ngày T A điều khiển xe ô tô BKS: 14C-172.12 chở anh H đi giải quyết công việc, tối về cả hai ngủ tại khách sạn A25 Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố H (anh H ở phòng 402, T A ở phòng 403). Trong thời gian này do không có việc làm và nợ nần nhiều người, thấy anh H thoải mái và tin tưởng nên T A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô BKS: 14C-172.12 của anh H mang đi cầm cố lấy tiền để đánh bạc. Khi đi với anh H, T A theo dõi thấy anh H để giấy tờ xe ô tô BKS: 14C-172.12 trên xe. Khoảng 23 giờ ngày 28/05/2021, T A điều khiển xe ô tô Ford Ranger BKS: 14C-172.12 chở anh H về khách sạn A25, khi về đến khách sạn, T A bảo anh H đi lên phòng khách sạn trước để T A đi cất xe cho anh H, anh H đồng ý. Khi anh H đi lên phòng khách sạn thì T A đã điều khiển xe ô tô BKS: 14C-172.12 về huyện VG, tỉnh HY và điện thoại cho anh Phạm N N (sinh năm 1983, trú tại: xã T, huyện VG, tỉnh HY) để vay tiền giải quyết việc gia đình. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 29/05/2021, T A đến gặp anh Ninh đề nghị vay số tiền 220.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô BKS: 14C-172.12 làm tin. Anh Ninh hỏi T A xe của ai thì T A nói xe ô tô của vợ và bảo vay 2-3 ngày sẽ trả tiền nên anh Ninh đồng ý. Việc thỏa thuận vay mượn giữa T A và anh Ninh không có giấy tờ gì và cũng chưa thỏa thuận tiền lãi. Sau đó, T A cầm số tiền 220.000.000 đồng và đặt lại xe ô tô BKS: 14C-172.12 cùng giấy tờ xe cho anh Ninh. Sau khi có tiền, T A gọi điện cho Mạnh (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn xã hội của T A ở huyện VG, tỉnh HY đến ngã tư Liên Nghĩa, huyện VG, tỉnh HY để đón T A đi đánh bạc. Khoảng 01 giờ ngày 29/05/2021, Mạnh đến đón T A đưa đến bến tàu ở bãi ven Sông Hồng và đưa lên tàu đánh bạc với một nhóm người không quen biết. Do trời tối nên T A không nhớ chính xác địa chỉ của bến tàu. T A chơi đến gần sáng ngày 29/05/2021 thì thua hết số tiền 220.000.000 đồng và thuê xe taxi về khách sạn A25 Nghĩa Tân. Khi về khách sạn, T A không nói với anh H về việc cầm cố xe ô tô BKS: 14C-172.12 và tiếp tục hỏi anh H vay số tiền 97.000.000 đồng với lý do để đáo hạn ngân hàng (thực tế không có việc đáo hạn Ngân hàng), anh H tin là thật nên đồng ý cho T A vay tiền. Sau khi cầm tiền, do lo sợ anh H phát hiện nên T A đã bỏ đi và sử dụng 01 số sim rác nhắn cho anh H nói về việc đã cầm cố xe ô tô BKS: 14C-172.12 và cho số điện thoại anh Ninh để anh H chuộc xe, sau đó tắt máy và bỏ trốn. Đến tối ngày 01/10/2021, Công an xã Liên Nghĩa, huyện VG, tỉnh HY tuần tra kiểm soát phát hiện thấy Đỗ T A có biểu hiện nghi vấn đã tiến hành kiểm tra và thấy thông tin giống thông báo truy tìm của Cơ

quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Cầu Giấy nên đã mời T A về trụ sở làm việc và báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- quận Cầu Giấy đến làm việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy đã thu giữ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS: 14C-172.12; 01 đăng ký xe số 067407 mang tên Vũ Thị Hoa; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số 4545999.

Ngày 09/06/2021 Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cầu Giấy kết luận số 270: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, màu đỏ, BKS: 14C-172.12, số khung: FF50GW584686, số máy: P5AT2213936 trị giá 645.900.000 đồng.

Ngày 09/11/2021 Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự CATP H kết luận số 7890/KL-PC09-Đ3: Xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger đeo biển kiểm soát: 14C-172.12 có số khung: FF50GW584686 và số máy: P5AT2213936 là số nguyên thủy.

Ngày 24/12/2021, Cơ quan CSĐT CAQ Cầu Giấy đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô BKS: 14C-172.12 và các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn H.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ T A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên và xin đầu thú tại Công an quận Cầu Giấy. Lời khai của T A phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn H, Phạm N N và những người liên quan khai phù hợp với nội dung vụ án.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Đỗ T A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H 742.900.000 đồng (chiếm đoạt chiếc xe ô tô trị giá 645.900.000 đồng và số tiền 97.000.000 đồng). Anh H đề nghị xử lý Đỗ T A theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường số tiền còn chiếm đoạt là 97.000.000 đồng.

Về dân sự anh Phạm N N yêu cầu Đỗ T A số tiền 220.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô trị giá 745.000.000 đồng của anh Hoàng AT (sinh năm: 1992, HKTT: 1D ngách 132/68 KT, tổ 27 phường KT, quận TX, TP H):

Ngày 30/05/2021, Đỗ T A lên mạng xã hội tìm thuê xe ô tô và liên lạc được với anh Hoàng AT là người đăng thông tin cho thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson màu trắng BKS: 30G-432.40, số khung: 019320, số máy: 503225. T A thỏa thuận thuê chiếc xe trên của AT trong 03 ngày với giá 1.100.000 đồng/1 ngày và đặt cọc số tiền 20.000.000 đồng, sau đó chụp ảnh giấy đăng ký xe ô tô, T A lên mạng tìm người làm giả đăng ký xe ô tô trên bằng cách gửi ảnh giấy đăng ký xe ô tô và

thông tin cá nhân của T A để thuê người trên mạng xã hội không biết tên tuổi địa chỉ làm giả đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ T A với giá 2.000.000 đồng. Ngày 31/05/2021, T A trả lại chiếc xe trên cho anh Hoàng AT và nhận lại tiền đặt cọc (trừ đi số tiền thuê xe trong 01 ngày). Sau khi nhận được giấy đăng ký xe giả, đến ngày 03/06/2021 T A tiếp tục liên lạc với anh Hoàng AT để thỏa thuận thuê chiếc xe trên. Đến khoảng 13 giờ ngày 04/06/2021, T A và AT hẹn ký hợp đồng thuê xe từ 12 giờ 30 ngày 04/06/2021 đến 12 giờ 30 ngày 06/06/2021 địa điểm 2 bên giao, nhận xe tại sảnh tòa B chung cư Đông Đô Green, phường Đông Ngạc, quận TL, thành phố H với giá thuê là 1.100.000 đồng/1ngày và hẹn trả xe trước 12 giờ ngày 06/06/2021. Khi ký hợp đồng thuê xe, Đỗ T A để lại 01 hộ chiếu mang tên Đỗ T A cùng số tiền 13.000.000 đồng, để đặt cọc. AT đã giao chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 bản phô tô giấy đăng ký xe cho Đỗ T A. Sau khi thuê được xe, ngày 05/06/2021 T A điều khiển chiếc xe ô tô trên đến gặp anh Nguyễn TK (sinh năm 1967, HKTT: thôn Mai Hiên, xã B, huyện D, thành phố H) để bán chiếc xe trên cho anh Khoản, khi đến nhà anh Khoản, T A nói đang có việc cần nên muốn bán chiếc xe này, xe ô tô đăng ký chính chủ là Đỗ T A. Do có nhu cầu mua xe nên anh Khoản đồng ý mua. Trước khi mua xe anh Khoản có nhờ anh Lê Xuân Minh (sinh năm 1976 địa chỉ: Lý Nhân, Dục Tú, huyện D), đến kiểm tra xe, anh Minh thấy số khung, số máy trùng khớp với đăng ký xe và đầy đủ giấy tờ, anh Khoản đồng ý mua xe ô tô trên với giá 720.000.000 đồng. Khi bán xe, T A giao cho anh Khoản 01 đăng ký xe giả mang tên Đỗ T A, 01 giấy chứng nhận kiểm định và viết giấy bán xe cho anh Khoản và hẹn ngày 07/06/2021 làm thủ tục công chứng mua bán xe ô tô để anh Khoản sang tên đổi chủ. Sau khi bán chiếc xe trên cho anh Khoản, Đỗ T A đã chi tiêu hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến ngày 06/06/2021, anh Hoàng AT không liên lạc được với Đỗ T A nên đã thông qua định vị tìm thấy chiếc xe ô tô trên tại nhà anh Nguyễn Đức Nhuận (là vợ của anh Nguyễn TK) địa chỉ thôn Mai Hiên, xã B, huyện D, anh Nhuận đã gọi điện cho anh Khoản đến để giải quyết tại đây anh Hoàng AT được anh Khoản cho biết là Đỗ T A đã bán chiếc xe trên cho anh Khoản nên anh Hoàng AT và anh Khoản đã cùng đến Cơ quan Công an xã B, huyện D để trình báo và nộp chiếc xe ô tô nêu trên.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận TL đã thu giữ các đồ vật gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu trắng, BKS: 30G-432.40, số khung: 019320, số máy: 503225; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KD 3338570; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002916 mang tên Đỗ T A, địa chỉ: A, B, D, H; 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái ngày 04/06/2021; 01 biên bản giao nhận xe ngày 04/06/2021; 01 giấy bán xe ngày 05/06/2021 do Đỗ T A viết.

Kết luận định giá tài sản số 307 ngày 23/07/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận TL kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu

trắng BKS: 30G-432.40, số khung: RLUC8W13BLN 019320, số máy: 503225 trị giá 745.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 5952 ngày 28/07/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP H kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson đeo biển kiểm soát: 30G-43240 có số khung: RLUC8W13BLN 019320 và số máy: G4NALU503225 là số nguyên thủy.

Kết luận giám định số 6006 ngày 30/07/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP H kết luận: chữ viết và chữ ký tên Đỗ T A trên hợp đồng thuê xe và trên giấy bán xe là do Đỗ T A viết và ký ra. Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ T A là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Ngày 30/07/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – quận TL đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô BKS: 30G-432.40 và Giấy chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô trên cho anh Hoàng AT.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ T A không thừa nhận việc bán chiếc xe trên cho anh Khoản với giá 720. 000.000 đồng, T A khai là cầm cố chiếc xe trên cho anh Khoản với giá 400.000.000 đồng nhưng anh Khoản yêu cầu T A viết là giấy bán xe với giá bán là 720.000.000 đồng, sau khi viết giấy bán xe thì anh Khoản giao cho T A số tiền 400.000.000 đồng.

Anh Nguyễn TK khai Đỗ T A thỏa thuận bán chiếc xe trên cho anh Khoản với giá 720.000.000 đồng và viết giấy bán xe, giao giấy tờ xe ô tô mang tên Đỗ T A cho anh Khoản, sau đó anh Khoản đã giao cho T A số tiền 400.000.000 đồng, số tiền 320.000.000 đồng còn lại là tiền T A nợ anh Khoản từ trước được trừ vào tiền mua xe. Lời khai của anh Khoản phù hợp với lời khai của T A về việc anh Khoản chỉ giao cho T A số tiền 400.000.000 đồng tại thời điểm thỏa thuận mua bán xe. Tuy nhiên, lời khai của Đỗ T A về việc cầm cố xe cho anh Khoản không có tài liệu chứng minh.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Đỗ T A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Hoàng AT chiếc BKS 30G-430.40 trị giá 745.000.000 đồng và hành vi làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức (làm giả đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ T A). Anh Hoàng AT đề nghị xử lý Đỗ T A theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

Về dân sự: Anh Nguyễn TK yêu cầu Đỗ T A phải bồi thường số tiền 720.000.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô trị giá 520.000.000 đồng của chị Nguyễn KN (sinh năm: 1994, HKTT: Số 38/448 Hà Huy T, thị trấn YV, huyện G, TP H):

Ngày 16/04/2021, Đỗ T A đến gặp chị Nguyễn KN, địa chỉ thị trấn YV, huyện G, thành phố H để thỏa thuận thuê xe ô tô mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài khi đến

nơi T A nói với chị Ngọc là thuê xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Chị Ngọc đồng ý và ký hợp đồng cho T A thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng BKS: 30E-353.87, số máy: P520382086, số khung: 4AA6GC042043 với thời gian thuê là 15 ngày kể từ 19 giờ 30 ngày 16/04/2021 đến 19 giờ 30 ngày 30/04/2021, giá thuê xe là 900.000 đồng/ngày (chiếc xe trên do chị Nguyễn Thu Hằng sinh năm 1987, HKTT: Tổ 25 Thuý Lĩnh, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố H, là em chồng chị Ngọc đứng tên đăng ký hộ vợ chồng chị Ngọc). Khi thuê xe Đỗ T A có để lại 01 căn cước công dân của Đỗ T A photo, Anh Nguyễn T A là chồng của Nguyễn KN trực tiếp giao xe cho Đỗ T A. Ngay sau khi nhận được xe (kèm theo giấy tờ xe là bản photo công chứng đăng ký xe có dấu của ngân hàng, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm), T A đã mang xe ô tô đi tìm nơi để cầm cố nhưng không được. Sau đó, T A sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại và tiếp tục tìm nơi để cầm cố. Đến ngày 27/05/2021, T A đến gặp anh Trần Văn P (tên gọi khác là H, nhà ở thôn ĐY, xã XN, huyện D, thành phố H), T A nói với anh P muốn cầm cố xe để lấy tiền, đây là xe của gia đình, do chị gái đứng tên, không phải xe trộm cắp nên anh P đồng ý cầm xe cho T A. Anh P và T A thỏa thuận thống nhất cầm xe với số tiền 115.000.000 đồng. Anh P có hỏi T A số tài khoản ngân hàng để chuyển khoản thì T A đưa thêm cho anh P tiền mặt 36.200.000 đồng và nhờ anh P chuyển khoản toàn bộ tổng số tiền 151.200.000 đồng (gồm 115.000.000 đồng là tiền cầm cố xe ô tô và tiền mặt 36.200.000 đồng T A đưa) vào số tài khoản 19036954024011 của người tên Hường (sinh năm 2000, HKTT: thôn Tân Lập, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang là bạn của T A), anh P đồng ý và đã chuyển khoản toàn bộ số tiền trên. Anh P yêu cầu T A ký vào 01 tờ giấy vay số tiền 115.000.000 đồng, không có giấy tờ thể hiện việc cầm cố xe ô tô để cho vay tiền. Đến tối cùng ngày, Hường đưa cho T A số tiền 151.200.000 đồng và T A đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết. T A khai Hường không biết số tiền chuyển khoản trên là tiền do T A cầm cố xe ô tô mà có. Đỗ T A khai có thỏa thuận với anh P đến ngày 16/05/2021 sẽ quay lại trả tiền và lấy lại xe ô tô nhưng T A đã tiêu xài hết số tiền trên và không có khả năng lấy lại xe ô tô. Hết hạn thuê xe, chị Ngọc gọi điện yêu cầu T A trả xe thì T A lấy nhiều lý do khất lần rồi bỏ trốn và nhắn tin cho chị Ngọc là “*anh P đang giữ chiếc xe ô tô của chị*” mục đích để chị Ngọc tìm anh P để lấy xe ô tô về. Ngày 11/06/2021 chị Ngọc đã định vị và đến nhà anh P thấy xe ô tô nêu trên. Nhận thấy T A có hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô, chị Ngọc đã trình báo cơ quan Công an thị trấn YV, huyện G đề nghị điều tra làm rõ, xử lý theo quy định.

Tiến hành xác minh xác định chủ tài khoản số 19036954024011 là Đặng Thị Hường (sinh năm 2000, HKTT: thôn Tân Lập, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh

Tuyên Quang) nhưng hiện nay không xác định được Hường ở đâu, làm gì nên không làm việc được với Hường để làm rõ về việc nhận số tiền do T A chuyển đến.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện G đã tạm giữ các đồ vật gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng, BKS: 30E-353.87; 01 Hợp đồng thuê xe tự lái ngày 16/04/2021; 01 Giấy vay tiền ngày 27/05/2021.

Ngày 28/06/2021 Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận số 129: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng, BKS: 30E-353.87, số máy: P520382086, số khung: 4AA6GC042043 trị giá 520.000.000 đồng.

Ngày 06/07/2021 Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận số 5354/C09-P2: Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 đeo biển kiểm soát: 30E-353.87 có số khung: RN2BM4AA6GC042043 và số máy: P520382086 là số nguyên thủy.

Ngày 03/08/2021, Cơ quan Cảnh sát huyện G đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô trên cho chị Nguyễn Thu Hằng là chủ đứng tên đăng ký xe.

Ngày 29/04/2022 Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận số: 1149/KL-KTHS: Chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng thuê xe ngày 16/04/2021 và Giấy vay tiền ngày 27/05/2021 so với chữ ký, chữ viết của Đỗ T A là do một người ký và viết ra.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ T A thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của T A phù hợp với lời khai của những người liên quan trong vụ án.

Anh Trần Văn P không thừa nhận việc cầm cố chiếc xe trên cho T A, anh P khai cho T A vay số tiền 115.000.000 đồng và T A để lại chiếc xe trên để làm tin, không phải là cầm cố xe để cho vay tiền.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Đỗ T A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn KN chiếc xe ô tô trị giá 520.000.000 đồng, Chị Ngọc đề nghị xử lý Đỗ T A theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

Về dân sự: Anh Trần Văn P yêu cầu Đỗ T A phải bồi thường trả lại số tiền là 115.000.000 đồng.

Đối với Đặng Thị Hường: Tài liệu điều tra đến nay không xác định được Hường ở đâu, làm gì nên không làm việc được với Hường để làm rõ về việc nhận số tiền 151.200.000 đồng do T A chuyển đến. Tuy nhiên, Đỗ T A khai Hường không biết gì về việc T A cầm cố xe ô tô và chuyển tiền đến tài khoản của Hường, sau đó Hường đã rút toàn bộ số tiền trên giao cho T A và T A đã sử dụng chi tiêu

cá nhân hết. Vì vậy không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Đặng Thị Hương về hình sự.

Đối với đối tượng được Đỗ T A thuê làm giả đăng ký xe ô tô: Tài liệu điều tra đến nay xác định T A thuê đối tượng làm giả đăng ký xe ô tô qua mạng xã hội, không rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng nên không có căn cứ xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi “Đánh bạc” của Đỗ T A: T A khai không nhớ địa điểm đánh bạc (do đánh bạc trên sông), không rõ nhân thân, lai lịch của các đối tượng tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật..

Bản cáo trạng số 208/CT-VKS-P3 ngày 13/06/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố: Đỗ T A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 và Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đỗ T A khai nhận hành vi phạm tội. Anh Nguyễn TK khai bị cáo viết giấy bán xe cho anh với giá 720.000.000 đồng, anh Khoản yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H luận tội đối với bị cáo: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Đỗ T A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm điểm a Khoản 4 Điều 174; Khoản 1 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Đỗ T A 12 – 13 năm tù tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 – 02 năm tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt: 13 – 15 năm tù.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 97.000.000 đồng, anh Khoản số tiền 720.000.000 đồng, anh P số tiền 115.000.000 đồng, anh Ninh số tiền 220.000.000 đồng.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ T A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:* Bị cáo ra đầu thú, khai báo thành khẩn, nhân thân bị cáo có 02 tiền sự hết thời hiệu, gia đình chấp hành tốt chính sách pháp luật. Đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] - Về tố tụng: Quyết định tố tụng của các Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] - Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của Đỗ T A tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, lời khai của các người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, Đỗ T A là đối tượng không có việc làm, nợ nhiều người nên T A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối dưới hình thức thuê, mượn xe ô tô rồi đi cầm cố lấy tiền tiêu xài của những người sau:

Ngày 28/05/2021, Đỗ T A đi cùng anh H để giải quyết công việc khi về đến khách sạn A25 Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, H, T A nói dối, bảo anh Nguyễn Văn H đi lên phòng khách sạn trước để T A đi cất xe cho anh H. Khi anh H lên phòng khách sạn thì T A đã điều khiển xe ô tô Ford Ranger BKS: 14C-172.12 của anh H trị giá 645.900.000 đồng đem cầm cố cho anh Phạm N N để lấy tiền 220.000.000 đồng, sau đó T A về khách sạn nói dối anh H là cần tiền để đáo hạn Ngân hàng và hỏi vay anh H 97.000.000 đồng, tổng số tiền T A chiếm đoạt của anh H trị giá 742.900.000 đồng.

Ngày 16/04/2021, Đỗ T A thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng BKS: 30E-353.87 của chị Nguyễn KN trị giá 520.000.000 đồng, sau đó mang cầm cố cho Trần Văn P được số tiền 115.000.000 đồng.

Ngày 04/06/2021, Đỗ T A thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu trắng BKS: 30G-432.40 của anh Hoàng AT trị giá 745.000.000 đồng, sau đó chụp ảnh giấy đăng ký xe của anh Hoàng AT rồi thuê một đối tượng trên mạng xã hội không quen biết, để làm giả đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ T A với giá 2 triệu đồng, đi bán cho anh Nguyễn TK được 720.000.000 đồng. Tổng số tài sản Đỗ T A chiếm đoạt của 03 bị hại trị giá 2.007.900.000 đồng. Hành vi của Đỗ T A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 và Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do cần tiền ăn tiêu, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối dưới hình thức thuê, mượn xe ô tô rồi đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá tài sản là 2.007.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự an xã hội.

[3] - Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên do đó áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] - Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] - Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Đỗ T A chiếm đoạt 01 xe ô tô Ford Ranger BKS: 14C-172.12 trị giá 645.900.000 đồng và số tiền 97.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H rồi đến gặp anh Ninh vay 220.000.000 đồng và để lại xe ô tô. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trên và trao trả xe ô tô cho anh Nguyễn Văn H nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 97.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H và bồi hoàn cho anh Phạm N N số tiền 220.000.000 đồng.

- Bị cáo Đỗ T A thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng BKS: 30E-353.87 của chị Nguyễn KN trị giá 520.000.000 đồng, sau đó mang cầm cố cho Trần Văn P được số tiền 115.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trên và trao trả xe ô tô cho chị Nguyễn KN. Chị Ngọc đã nhận lại xe và không còn yêu cầu gì khác nên không xét. Anh Trần Văn P yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền 115.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải bồi hoàn.

- Bị cáo Đỗ T A thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu trắng BKS: 30G-432.40 của anh Hoàng AT trị giá 745.000.000 đồng, sau đó làm giả đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ T A rồi viết giấy bán xe bán cho anh Nguyễn TK được 720.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trên và trao trả xe ô tô cho anh Hoàng AT, AT đã nhận lại xe và không còn yêu cầu gì khác nên không xem xét. Anh Khoản yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền 720.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải bồi hoàn.

[6] - Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, án phí dân sự.

[7] - Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Đỗ T A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm điểm a Khoản 4 Điều 174; Khoản 1 Điều 341; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- **Xử phạt:** Đỗ T A **16 năm tù** tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **01 năm** tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. **Tổng hợp hình phạt buộc Đỗ T A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội: 17 năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Đỗ T A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 97.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Đỗ T A phải bồi hoàn cho:

+ Anh Phạm N N số tiền 220.000.000 đồng.

+ Anh Trần Văn P số tiền 115.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn TK số tiền 720.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 46.560.000 đồng án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về nội dung liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về nội dung liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Cấp Cao tại H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THA Dân sự thành phố H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng TT – THA H;
- Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H;
- Lưu HSVA, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Huân

